

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 24/7/2019

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô Văn Tuyên.

2. Ông: Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 05/2019/TLST- KDTM ngày 27/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐHPT ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Võ Đình T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh huyện K, Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334B, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T 1.

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch E - Ngân hàng N - chi nhánh huyện K (Theo văn bản ủy quyền số: 77/UQ-NHNo-KPK ngày 07 tháng 3 năm 2019).

- **Bị đơn:** Bà Nông Thị H, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Ông Đỗ Văn T2, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2019 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ngày 01 tháng 06 năm 2017, Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E (Ngân hàng) và vợ chồng ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV-2017, theo đó Ngân hàng có cho vợ chồng ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H vay số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Thời hạn vay 12 tháng, mức lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; Mục đích vay vốn: kinh doanh Dịch vụ nấu ăn.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BR 169267, thửa số: 02; tờ bản đồ: 53 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp ngày 26/12/2013 cho bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được công chứng tại phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/05/2017 và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 31/5/2017.

Từ khi vay đến nay vợ chồng bà H, ông T2 chưa trả cho Ngân hàng được khoản nào kể cả gốc và lãi. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T2 bà H phải trả số tiền 700.000.000 đồng tiền vay gốc, và khoản lãi suất trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ.

Trong trường hợp ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nông Thị H thống nhất với lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về toàn bộ nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Tuy nhiên bà H cho rằng do làm ăn bị thua lỗ nên cho đến nay vợ chồng ông bà chưa trả được khoản nào cho Ngân hàng kể cả gốc và lãi. Bà H thừa nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh từ ngày vay 01/06/2017 đến nay theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng mà nguyên đơn đã trình bày. Nguyên vọng của bà H xin Ngân hàng giảm lãi suất và tạo điều kiện gia hạn trả nợ đến tháng 4 năm 2021.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đỗ Văn T2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn bà Nông Thị H: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông Đỗ Văn T2 đã vi phạm tại các Điều 70, 72 và điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam. Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp ông T2, bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn bà ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H cư trú tại thôn P1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H. Tại phiên tòa hôm nay ông T2 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn T2.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 01 tháng 06 năm 2017 ông Đỗ Văn T2, bà Nông Thị H vay Ngân hàng N- chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu đồng), được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 5203LAV-2017 và lời khai của bà Nông Thị H.

Về lãi suất hai bên thỏa thuận 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Kinh doanh dịch vụ nấu ăn.

Trong quá trình vay vốn ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H không trả được cho ngân hàng khoản nợ nào kể cả gốc và lãi. Hiện nay đã quá hạn nhưng ông T2, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T2, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 700.000.000 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 10,5%/ năm, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/06/2017 đến ngày 01/06/2018 là: 418 ngày x 700.000.000đ x 10,5%/năm: 365 ngày = 73.500.000 đồng.

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 02/06/2018 đến ngày 22/7/2019 là: 418 ngày x 700.000.000 đ x 15,75%: 365 ngày = 126.258.904 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 199.758.904 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, số tiền cần buộc ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền là: 899.758.904 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Đỗ Văn T2 và bà Nông Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HQ20170531/HĐTC được công chứng tại phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 31/5/2017, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 169267, diện tích 220m², thửa số: 02; tờ bản đồ: 53 tại xã V huyện K do UBND huyện K cấp ngày 26/12/2013 cho bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp giữa bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 với Ngân hàng N là có thực và hợp pháp.

Vì vậy, trường hợp vợ chồng bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thanh toán nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 700.000.000 đ tiền vay gốc và các khoản tiền lãi suất phát sinh, các khoản phí và chi phí phát sinh trên số tiền vay gốc.

Sau khi ông T2, bà H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông T2, bà H theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 phải chịu 38.992.767 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Theo mức tính: 800.000.000đ phải chịu 36.000.000đ + (99.758.904 x 3%) = 38.992.767đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 19.756.968 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và Tòa án đã chi phí hết. Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Vì vậy, Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N 2.000.000 đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 899.758.904 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng). Trong đó tiền vay gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi là 199.758.904 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BR 169267, diện tích 220m², thửa số: 02; tờ bản đồ: 53 tại xã V huyện K do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 26/12/2013 cho bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2.

Sau khi bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 169267 do

UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 26/12/2013 cho bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2.

Về án phí: Buộc bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 phải chịu 38.992.767 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 19.756.968 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2017/0011143 ngày 22/3/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nông Thị H và ông Đỗ Văn T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Nguyên đơn, bị đơn bà Nông Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Đỗ Văn T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

(Đã ký)

Hoàng Long